

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022.

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Đình Quang**.

2. Ông **Phạm Văn Bằng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Đình Đạo** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 737/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, Nguyễn Đức C, khu phố A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 07, Nguyễn Đức C, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông P vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:**

Bà H và ông Phạm Văn P tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn T), huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/4/1994.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn P.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/3/1994; cháu Phạm Tuấn P, sinh ngày 29/7/1999 và cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 03/6/2006. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q. Tạm thời bà không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Tuấn A và cháu P đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

## **2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Văn P vắng mặt:**

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông P tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông P đều vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H.

**3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh H. Cho bà H được ly hôn với ông Phạm Văn P.

Về con chung: Bà H và ông P có 03 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/3/1994; cháu Phạm Tuấn P, sinh ngày 29/7/1999 và cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 03/6/2006. Giao cháu Phạm Minh Q cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Tuấn A và cháu P đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà H khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà H phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà H cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Phạm Văn P tự nguyện kết hôn với nhau năm 1994 và được Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom (nay là thị trấn Trảng Bom), huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/4/1994 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà H xác định vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến cãi vã xung đột không hòa giải được. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các bên nhưng bà H cương quyết ly hôn với ông P; ông P không đến Tòa án để tham gia hòa giải, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông P có 03 con chung là cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/3/1994; cháu Phạm Tuấn P, sinh ngày 29/7/1999 và cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 03/6/2006. Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Minh Q. Cháu Tuấn A và cháu P đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông P đến Tòa án làm việc tuy nhiên ông P đều vắng mặt và ông có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà H. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Q thì cháu Q có nguyện vọng được sống chung với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phạm Minh Q cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 08/3/1994; cháu Phạm Tuấn P, sinh ngày 29/7/1999, các cháu đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, ông P cũng không có ý kiến trình bày nên tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông P không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Bà H khai không có, ông P không có ý kiến trình bày nên

Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao Phạm Minh Q, sinh ngày 03/6/2006 cho bà Nguyễn Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Phạm Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông P không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Bà H khai không có, ông P không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số **0001417 ngày 11/7/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Minh H, ông Phạm Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 49 ngày 11/4/1994);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Tâm**